

Bản án số: 1382/2024/DS-ST
Ngày: 15/4/2024
V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Vương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Văn Lợi
2. Bà Phạm Thị Ngọc Dương
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án.

Trong các ngày 12 và 15 tháng 4 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, đã tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai và tuyên án đối với vụ án dân sự thụ lý số 1545/2023/TLST-DS ngày 20/10/2023 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1325/2024/QĐXXST-DS ngày 19/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh năm 1993.

Thường trú: phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Tr có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Mai Ngọc H, sinh năm 1993

Địa chỉ: phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Dương Nguyễn Hoàng Ph, sinh năm 1998

Địa chỉ: phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà H, ông Ph có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Việt Hải Tr, sinh năm 1993.

Thường trú: phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Tr có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2023, bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày nội dung và yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Thanh Tr xác định bà Mai Ngọc H và ông Dương Nguyễn Hoàng Ph rủ bà mua 02 combo (gói) tổng cộng là 17 cái điện thoại Iphone 13 promax, tổng giá trị 240.000.000 đồng, số tiền trên là tài sản chung của vợ chồng bà Tr với ông Bùi Việt Hải Tr, vợ chồng bà Tr đã đưa đủ số tiền trên cho bà H, ông Ph. Sau đó, bà Tr chưa nhận được cái máy nào nhưng có được nhận số tiền 51.000.000 đồng (tương đương 2 máy) do bà H bán giúp. Đến tháng 02/2023, bà H có trả tiếp số tiền 20.000.000 đồng. Đến tháng 6 và tháng 7/2023, bà H có chuyển khoản 2 lần mỗi lần 3.000.000 đồng, tổng cộng 77.000.000. Khi rủ mua thì ông Ph, bà H xác định nguồn hàng là ở bên Mỹ nên bà Tr, ông Tr mới tin tưởng nhờ mua giúp. Đến tháng 3/2023, vợ chồng ông bà thấy thông tin trên mạng, hỏi thông tin thì ông Ph, bà H mới xác nhận nguồn hàng từ người có facebook “Minh Thu” và “Thu Đỗ” ở Việt Nam. Quá trình chờ nguồn hàng và hoàn lại tiền thì bà H và ông Ph cũng cam kết chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền còn lại mà vợ chồng bà đã đưa để mua điện thoại. Do đó, bà Tr đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Ph, bà H trả lại cho vợ chồng bà số tiền còn lại là 163.000.000 đồng.

Bị đơn là ông Dương Nguyễn Hoàng Ph và bà Mai Ngọc H tại các bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải có ý kiến trình bày: Ông bà xác nhận hai tài khoản facebook theo các bản in tin nhắn trao đổi “Dương Hoàng Ph” và “Bé Bi” mà nguyên đơn cung cấp là của ông bà. Ông bà xác định giữa ông bà có mối quan hệ tình cảm nhưng chưa đăng ký kết hôn. Ông bà thừa nhận đã nhận đủ số tiền 240.000.000 đồng của vợ chồng bà Tr, ông Tr để mua dùm 02 combo (gói) tổng cộng là 17 cái điện thoại Iphone 13 promax. Toàn bộ số tiền nêu trên bà H đã chuyển toàn bộ cho bà Đỗ Minh Thu; địa chỉ: 01 Đường số 15, phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có facebook “Minh Thu” và “Thu Đỗ” để mua dùm số hàng trên cho bà Tr, ông Tr nhưng hiện nay bà Thu đã bỏ trốn và không giao đủ hàng để bà H giao lại cho nguyên đơn. Trước đó, bà Thu có giao 06 máy điện thoại, bà H đã chia ra cho nhiều người, bán giùm và chuyển cho bà Tr 51.000.000 đồng (tương đương 2 máy). Sau đó, do bà Tr có liên lạc bảo khó khăn tài chính, ba bệnh nên ông bà tự lấy tiền của cá nhân chuyển khoản cho bà Tr 3 lần tổng số tiền 26.000.000 (như bà Tr trình bày) để bà Tr chi tiêu, như vậy bà Tr đã nhận 77.000.000 đồng. Việc mua dùm điện thoại cho nguyên đơn chỉ vì là bạn bè nhờ giúp, ông bà không nhận được lợi lộc gì. Do đó, ông bà không giữ tiền của nguyên đơn nên việc nguyên đơn khởi kiện buộc ông bà trả lại số tiền 163.000.000 đồng là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Việt Hải Tr có ý kiến trình bày: ý kiến của ông thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh Tr.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Dương Nguyễn Hoàng Ph và bà Mai Ngọc H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Tr, ông Tr số tiền 163.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Việc thanh toán số tiền nêu trên thực hiện nhiều đợt vào ngày 01 tây hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn là bà Mai Ngọc H giữ nguyên ý kiến không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì là bạn bè nên bà chỉ mua giùm điện thoại cho nguyên đơn để nguyên đơn bán lấy tiền chênh lệch, bà không nhận được lợi ích gì từ việc nhận mua hàng giùm, bà đã chuyển số tiền nguyên đơn cho chủ nguồn hàng là người có facebook “Minh Thu” nhưng bị lừa, không nhận được hàng nên không có hàng giao cho nguyên đơn, bà không giữ tiền của nguyên đơn, đây là rủi ro chung nên nguyên đơn phải chịu. Vụ việc mua bán với chủ nguồn hàng bà đã trình báo công an, sau khi thu hồi được tiền thì bà sẽ trả lại số tiền còn lại cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện đòi lại số tiền 163.000.000 đồng là không có cơ sở.

Bị đơn là ông Dương Nguyễn Hoàng Ph có ý kiến trình bày: Việc mua giùm điện thoại hoàn toàn diễn ra giữa bà H với vợ chồng ông Tr, bà Tr, ông Ph không tham gia mua bán, nhận tiền. Nhưng vì mối quan hệ bạn bè giữa bà Tr với bà H nên ông với tư cách là “chồng” của bà H (có quan hệ tình cảm, có con chung nhưng chưa đăng ký kết hôn) cảm thấy ngại với bà Tr, ông Tr nên mới nhận trách nhiệm trả số tiền còn lại. Sau khi làm việc với Công an mới nhận thấy mình không có trách nhiệm trong việc này nên không đồng ý tiếp tục trả số tiền còn lại. Sau khi Công an giải quyết việc trình báo của bà H và thu hồi được tiền thì ông bà sẽ trả lại số tiền còn lại cho ông Tr, bà Tr.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Việt Hải Tr có ý kiến thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vụ kiện tranh chấp kiện đòi tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Vụ án không thuộc các trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Dương Nguyễn Hoàng Ph và bà Mai Ngọc H có trách nhiệm liên đới trả lại cho vợ chồng ông bà số tiền 163.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Tr, ông Tr, ông Ph, bà H đều xác nhận số tiền vợ chồng ông Tr, bà Tr đã đưa cho bà H để mua điện thoại giúp là 240.000.000 đồng. Sau đó bà H, ông Ph đã chuyển trả cho bà Tr số tiền tổng cộng là 77.000.000 đồng bao gồm tiền bán giúp 2 máy Iphone 13 Promax và tiền cá nhân của ông Ph, bà H, còn lại số tiền là 163.000.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Tr xác nhận Facebook có tên “Nguyen Tructhanh” là của bà; bà H xác nhận Facebook có tên “Bé Bi” là của bà và ông Dương Nguyễn Hoàng Ph xác nhận Facebook có tên “Dương Hoàng Ph” là của ông. Các bên xác nhận các tài liệu chứng cứ được in và nộp cho Tòa án đã được công khai trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là đúng nội dung trao đổi giữa các ông bà nên Tòa án có căn cứ xác định các tài liệu trên do nguyên đơn, bị đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án. Ngoài ra, các đương sự cũng xác nhận nội dung hội thoại trong đoạn ghi âm có thời lượng 15 phút 48 giây do nguyên đơn cung cấp là đúng lời nói, sự tham gia của các đương sự, do đó đoạn ghi âm cũng được xem là chứng cứ để giải quyết vụ án.

Theo ý kiến trình bày của các đương sự có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định số tiền 240.000.000 đồng nguyên đơn giao cho bị đơn là để mua giúp điện thoại nhằm mục đích nguyên đơn bán lại kiếm lời trên chênh lệch giá, bị đơn không nhận được lợi ích từ việc mua giúp điện thoại. Tuy nhiên, việc nhờ và nhận mua giúp chỉ diễn ra giữa nguyên đơn với bị đơn, nguyên đơn không tham gia vào giao dịch trực tiếp với chủ nguồn hàng, không biết chính xác nguồn hàng bị đơn lấy từ đâu. Bị đơn trình bày trước khi mua giúp đã nói rõ rủi ro có thể xảy ra với nguyên đơn nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trao đổi và nguyên đơn đồng ý chịu trách nhiệm rủi ro khi đặt mua hàng giúp. Như vậy, bị đơn phải có trách nhiệm giao đúng số lượng hàng nguyên đơn nhờ mua. Tuy nhiên, do bị đơn mua hàng của người có tên Facebook “Minh Thu” và “Thu Đỗ” và bị lừa (không được giao hàng đầy đủ và bà Thu đã bỏ trốn) nên bị đơn không giao được số hàng mà nguyên đơn nhờ mua giúp. Do đó, nguyên đơn khởi kiện buộc bà H trả số tiền còn lại 163.000.000 đồng là có căn cứ.

Ông Dương Nguyễn Hoàng Ph cho rằng ông không trực tiếp tham gia vào việc nhận tiền, mua giúp điện thoại và bà H cũng đã có các tài liệu chứng minh chuyển toàn bộ số tiền nhận mua giúp chủ nguồn hàng có tên Facebook “Minh Thu” và “Thu Đỗ” nên ông không có trách nhiệm hoàn trả số tiền còn lại cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tại các đoạn tin nhắn giữa ông Ph và bà Tr

được in ra đánh số 10 đến 17 do nguyên đơn nộp ông Ph đều thừa nhận là người rử nguyên đơn mua điện thoại và sẽ chịu trách nhiệm với số tiền nguyên đơn nhờ mua giúp điện thoại do bà H không giao được hàng cho nguyên đơn. Ngoài ra, tại đoạn hội thoại trong đoạn ghi âm do nguyên đơn cung cấp có mặt ông Ph, bà H, bà Tr, ông Tr thì ông Ph và bà H xác định sẽ có trách nhiệm khắc phục trả tiền cho bà Tr, ông Tr số tiền 5.000.000 đồng hoặc ít nhất là 3.000.000 đồng/tháng vào ngày 30 tây hàng tháng, Như vậy, ông Ph và bà H đã xác nhận trách nhiệm hoàn trả số tiền còn thiếu cho nguyên đơn nhưng ông Ph, bà H chỉ chuyển trả tiền cho nguyên đơn lần cuối vào tháng 7/2023 là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, bà Tr khởi kiện yêu cầu buộc ông Ph, bà H có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho vợ chồng bà Tr, ông Tr số tiền còn lại 163.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Xét ý kiến của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 163.000.000 đồng thành nhiều đợt, cụ thể thanh toán mỗi tháng 3.000.000 đồng vào ngày 01 tây hàng tháng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của nguyên đơn.

Việc mua bán điện thoại diễn ra trực tiếp giữa bà H với người có tên Facebook “Minh Thu” và “Thu Đỗ” là quan hệ giao dịch dân sự riêng và tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên tòa sơ thẩm các đương sự cũng không yêu cầu triệu tập thêm cá nhân nào tham gia tố tụng nên không cần thiết triệu tập đương sự nêu trên vào tham gia tố tụng trong vụ án. Trường hợp có tranh chấp giữa bà Mai Ngọc H, ông Dương Nguyễn Hoàng Ph với đương sự nêu trên thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác nếu bà H, ông Ph có yêu cầu khởi kiện.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Dương Nguyễn Hoàng Ph và bà Mai Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, cụ thể là trên số tiền 163.000.000 đồng, số tiền án phí ông Ph, bà H phải chịu là 8.150.000 (tám triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trả lại cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh Tr số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí tại thời điểm khởi kiện vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 278, Điều 280, Điều 351 và Điều 358 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Dương Nguyễn Hoàng Ph và bà Mai Ngọc H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh Tr và ông Bùi Việt Hải Tr số tiền là 163.000.000 (một trăm sáu mươi ba triệu) đồng. Việc thanh toán chia làm nhiều đợt, mỗi tháng 3.000.000 đồng vào ngày 01 tây hàng tháng cho đến khi thanh toán xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Giành quyền khởi kiện cho ông Dương Nguyễn Hoàng Ph và bà Mai Ngọc H để thu hồi số tiền mua máy điện thoại của người có tên Facebook “Minh Thu” và “Thu Đỗ” nếu có tranh chấp, sau khi thu hồi được thì ông Ph, bà H được toàn quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt với số tiền này.

3. Về án phí sơ thẩm:

Ông Dương Nguyễn Hoàng Ph và bà Mai Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.150.000 (tám triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh Tr số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 4.100.000 (bốn triệu một trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0005944 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- TAND TP.HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương